

KẾ HOẠCH

tổ chức thi nâng ngạch công chức Ngành Kiểm tra Đảng năm 2021

- Căn cứ Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Căn cứ Đề án số 01-ĐA/UBKTTW, ngày 15/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tổ chức thi nâng ngạch công chức Ngành Kiểm tra Đảng năm 2021;
- Căn cứ Công văn số 2310-CV/BTCTW, ngày 03/12/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về Đề án thi nâng ngạch công chức Ngành Kiểm tra Đảng năm 2021;

Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch kiểm tra viên lên ngạch kiểm tra viên chính (viết tắt là “nâng ngạch kiểm tra viên chính), từ ngạch kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp (viết tắt là “nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp”) Ngành Kiểm tra Đảng năm 2021, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Ngành Kiểm tra Đảng; bảo đảm cơ cấu ngạch công chức theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn nhiệm vụ công chức được phân công, phân nhiệm trong cơ quan, đơn vị.

b) Tạo động lực để cán bộ, công chức Ngành Kiểm tra Đảng phấn đấu, nâng cao trình độ, năng lực của bản thân trong thực thi nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

a) Việc tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ công chức, phù hợp với cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương; phối hợp tốt với các cơ quan liên quan: Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Hành chính Quốc gia, Công an thành phố Hà Nội trong thực hiện nhiệm vụ.

II. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

1. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp

Cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch theo quy định tại mục III của Kế hoạch này, cụ thể:

a) Tại Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A) được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ở một hoặc một số địa phương, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những phần việc chuyên môn nghiệp vụ khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

b) Tại ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh và tương đương: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm thường trực, phó chủ nhiệm là tỉnh ủy viên hoặc tương đương, phó chủ nhiệm được quy hoạch chức danh là người đứng đầu các ban, ngành cấp tỉnh và tương đương trở lên, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A).

c) Cán bộ, công chức quy định tại Điểm b, Khoản 1 này được luân chuyển về giữ chức danh Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên chính (04.024A).

2. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính

Cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch theo quy định tại mục III của Kế hoạch này, cụ thể:

a) Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A) được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ở một hoặc một số địa phương, đơn vị; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chuyên đề hoặc đảm nhiệm những phần việc chuyên môn nghiệp vụ khác phục vụ công tác kiểm tra, giám sát trong cơ quan ủy ban kiểm tra đảng ở cấp tỉnh và tương đương trở lên.

b) Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ở cấp huyện và tương đương hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A).

c) Cán bộ, công chức quy định tại các Điểm a, b, Khoản 2 này được luân chuyển về giữ chức danh bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn và tương đương, hiện đang giữ ngạch kiểm tra viên (04.025A).

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Điều kiện đăng ký dự thi

Cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Cơ quan quản lý cán bộ, công chức có nhu cầu về vị trí việc làm của ngạch dự thi.

b) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2020; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 17, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

c) Đáp ứng đủ thời gian giữ ngạch

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp: Có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính và tương đương từ đủ 06 năm (đủ 72 tháng) trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch kiểm tra viên chính thì thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính: Có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên và tương đương từ đủ 09 năm (đủ 108 tháng) trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch kiểm tra viên thì thời gian giữ ngạch kiểm tra viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản của Đảng hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp: Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính và tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản của Đảng (nghị quyết, quy định, quy chế, quy trình, chỉ thị, văn kiện đại hội đảng từ cấp tỉnh trở lên) hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành (nghiệm thu).

- Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính: Trong thời gian giữ ngạch kiểm tra viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản của Đảng (nghị quyết, quy định, quy chế, quy trình, chỉ thị, văn kiện đại hội đảng từ cấp huyện trở lên hoặc 02 báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên của đoàn kiểm tra, giám sát từ cấp huyện trở lên) hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng cán bộ, công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng hoặc đã được cấp có thẩm quyền ban hành (nghiệm thu).

Việc giao chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản của Đảng hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học được xác định như sau:

- Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo, Tổ biên tập; trường hợp không thành lập Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo, Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận của người có thẩm quyền.

- Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành, cấp tỉnh, cấp cơ sở trở lên hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tiêu chuẩn đăng ký dự thi

2.1. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp

Tại thời điểm nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi cần đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

c) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp theo Công văn số 1474-CV/BTCTW, ngày 13/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc giá trị sử dụng giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị trước ngày 09/7/2021.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

đ) Có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch (công tác) kiểm tra, giám sát; bồi dưỡng chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh (do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cấp).

2.2. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính

Tại thời điểm nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi cần đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

c) Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp theo Công văn số 1474-CV/BTCTW, ngày 13/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc giá trị sử dụng giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị trước ngày 09/7/2021.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

đ) Có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch (công tác) kiểm tra, giám sát (do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cấp).

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

a) Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch, có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng cán bộ, công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định.

c) Bản sao các quyết định minh chứng thời gian giữ ngạch.

d) Bản sao văn bản minh chứng việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản của Đảng hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc các đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền ban hành (nghiem thu).

đ) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định về tiêu chuẩn của ngạch dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Trường hợp cán bộ, công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của ngạch dự thi thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc môn tin học quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

e) Bản sao văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc văn bản xác nhận là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có) theo quy định tại Khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ (trừ trường hợp được miễn thi ngoại ngữ do tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác);

g) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của cán bộ, công chức được quy định như sau:

a) Cán bộ, công chức chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, có mục lục, sắp xếp theo trình tự và đánh số thứ tự tài liệu có trong hồ sơ.

b) Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi cán bộ, công chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm, theo quy định tại Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, quyết định, văn bản, tài liệu thuộc thành phần hồ sơ dự thi nâng ngạch nêu tại khoản 1 mục IV này phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành.

d) Cán bộ, công chức chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, tính trung thực của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, cán bộ, công chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Mọi sự gian dối, thiếu trung thực hay giả mạo nội dung hồ sơ dự thi nâng ngạch sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy kết quả thi nâng ngạch.

3. Trách nhiệm tiếp nhận, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch

a) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương (đầu mối là Vụ Tổ chức - Cán bộ) chịu trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của công chức trong các Vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo quy định pháp luật.

b) Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (đầu mối là Ban Tổ chức) chịu trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương theo quy định pháp luật.

V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THI

Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức thực hiện theo Nội quy, Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Môn thi, hình thức thi, thời gian và nội dung thi được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp

a) Môn Kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 60 phút.

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức theo yêu cầu của ngạch kiểm tra viên cao cấp (Danh mục tài liệu ôn thi do Ủy ban Kiểm tra Trung ương công bố).

b) Môn Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Thời gian thi: 30 phút.

- Nội dung thi: 30 câu hỏi kiểm tra ngoại ngữ (một trong 05 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) ở trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp quy định tại Khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

c) Môn Chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Thi viết đề án và thi bảo vệ đề án.

- Thời gian thi: thời gian tối đa thi viết đề án là 08 tiếng, thời gian tối đa thi bảo vệ đề án là 30 phút/thí sinh.

- Nội dung thi gồm 12 chủ đề sau: (1) Lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng - Thực trạng và giải pháp; (2) Giám sát thường xuyên của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp - Thực trạng và giải pháp; (3) Giám sát chuyên đề của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp - Thực trạng và giải pháp; (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; (5) Những khó khăn, trở ngại trong kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của ủy ban kiểm tra đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên; (6) Nâng cao chất lượng giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên - Thực trạng và giải pháp; (7) Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên - Thực trạng và giải pháp; (8) Thực hiện phương châm “công minh, chính xác, kịp thời” trong thi hành

kỷ luật Đảng - Thực trạng và giải pháp; (9) Nâng cao chất lượng thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; (10) Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của ủy ban kiểm tra - Thực trạng và giải pháp; (11) Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, giúp cấp ủy của ủy ban kiểm tra các cấp; (12) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

2. Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính

a) Môn Kiến thức chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.
- Thời gian thi: 60 phút.
- Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức theo yêu cầu của ngạch kiểm tra viên chính (Danh mục tài liệu ôn thi do Ủy ban Kiểm tra Trung ương công bố).

b) Môn Ngoại ngữ

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính.
- Thời gian thi: 30 phút.
- Nội dung thi: 30 câu hỏi kiểm tra ngoại ngữ (một trong 05 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp quy định tại Khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

c) Môn Chuyên môn, nghiệp vụ

- Hình thức thi: Thi viết.
- Thời gian thi: 180 phút.
- Nội dung thi trong 06 chuyên đề (do Ủy ban kiểm tra Trung ương công bố), cụ thể: (1) Cấp ủy lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong Đảng; (2) Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng; (3) Những vấn đề cơ bản về thẩm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; (4) Kỷ luật đảng và việc thi hành kỷ luật trong Đảng; (5) Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; (6) Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nhiệm vụ giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI VÀ PHÍ DỰ THI

1. Thời gian tổ chức thi

a) Đối với nâng ngạch kiểm tra viên chính

Kỳ thi được tổ chức trong 4 ngày (từ ngày 05/01/2022 đến hết ngày 08/01/2022), dự phòng ngày 09/01/2022, cụ thể:

- Ngày 05/01/2022: Đón tiếp thí sinh, làm thủ tục dự thi;
- Ngày 06/01/2022: Khai mạc kỳ thi; công bố các quyết định; phổ biến kế hoạch, nội quy;
- Ngày 07/01/2022: Thi môn Kiến thức chung (60 phút);
- Ngày 08/01/2022 (Sáng): Thi môn Ngoại ngữ (30 phút);
- Ngày 08/01/2022 (Chiều): Thi môn Chuyên môn, nghiệp vụ (180 phút);
- Ngày 09/01/2022: Dự phòng.

b) Đối với nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp

Kỳ thi được tổ chức trong 5 ngày (từ ngày 10/01/2022 đến hết ngày 14/01/2022), dự phòng ngày 15/01/2022, cụ thể:

- Ngày 10/01/2022: Đón tiếp thí sinh, làm thủ tục dự thi;
- Ngày 11/01/2022: Khai mạc kỳ thi; công bố các quyết định; phổ biến kế hoạch, nội quy;
- Ngày 12/01/2022: Thi môn Kiến thức chung (60 phút) và môn Ngoại ngữ (30 phút);
- Ngày 13/01/2022: Thi viết đề án môn Chuyên môn, nghiệp vụ (8 tiếng);
- Ngày 14/01/2022: Thi bảo vệ đề án môn Chuyên môn, nghiệp vụ (30 phút/1 thí sinh);
- Ngày 15/01/2022: Dự phòng.

2. Địa điểm thi: Học viện Hành chính Quốc gia, số 77 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

3. Phí dự thi nâng ngạch: Phí dự thi nâng ngạch của cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VII. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi kiến thức chung và môn thi ngoại ngữ, trừ trường hợp miễn thi ngoại ngữ. Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính và bảo vệ đề án.

2. Có kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại mục V Kế hoạch này đạt từ 50 điểm trở lên, trường hợp thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp thì phải đạt từ 100 điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và bài thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên của mỗi bài thi) và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao.

3. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Công chức là nữ; công chức là người dân tộc thiểu số; công chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); công chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức.

4. Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

VIII. CHỈ TIÊU NÂNG NGẠCH

1. Cơ quan, địa phương, đơn vị đã phê duyệt (chính thức hoặc tạm thời) vị trí việc làm kèm theo ngạch kiểm tra viên cao cấp, kiểm tra viên chính tương ứng và biên chế theo vị trí việc làm thì chỉ tiêu nâng ngạch được xác định theo số lượng vị trí việc làm còn thiếu của ngạch dự thi, đảm bảo đúng đối tượng.

Trường hợp số lượng cán bộ, công chức thực tế của từng cơ quan, địa phương, đơn vị cử dự thi bằng hoặc thấp hơn số lượng vị trí việc làm ở ngạch dự thi còn thiếu thì không phải thực hiện nguyên tắc cạnh tranh.

2. Cơ quan, địa phương, đơn vị chưa phê duyệt vị trí việc làm kèm theo ngạch kiểm tra viên cao cấp, kiểm tra viên chính tương ứng và biên chế theo vị trí việc làm thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương sẽ trao đổi, xem xét, quyết định chỉ tiêu nâng ngạch theo từng cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, bảo đảm đúng đối tượng, phù hợp quy định và tương quan chung về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức ở ngạch dự thi hiện có giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Trường hợp số lượng cán bộ, công chức thực tế của từng cơ quan, địa phương, đơn vị được cử dự thi bằng hoặc thấp hơn chỉ tiêu nâng ngạch đã được quyết định thì tỷ lệ cạnh tranh là 20% (từ trên 0,7 làm tròn thành 1) và số dư tối thiểu 01 người, trừ trường hợp chỉ có 01 người dự thi.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

a) Quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức từ kiểm tra viên

lên ngạch kiểm tra viên chính và từ kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp (viết tắt là “Hội đồng thi nâng ngạch”); phân công đồng chí Trần Đức Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm Chủ tịch Hội đồng thi nâng ngạch.

b) Quyết định thành lập Ban Giám sát các kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch kiểm tra viên lên kiểm tra viên chính và từ ngạch kiểm tra viên chính lên kiểm tra viên cao cấp (viết tắt là “Ban Giám sát”); phân công đồng chí Đoàn Anh Dũng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, làm Trưởng Ban Giám sát.

c) Phân công các đồng chí Thành viên Ủy ban tham gia các Ban của Hội đồng thi theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi.

d) Quyết định danh sách công chức đúng đối tượng, đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi.

đ) Công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch.

e) Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các kỳ thi nâng ngạch và xử lý các vấn đề phát sinh theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi.

2. Hội đồng thi nâng ngạch, các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi nâng ngạch, Ban Giám sát và cán bộ, công chức tham dự các kỳ thi: thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Thông tư số 06/2021/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; tuân thủ các quy định về phòng chống dịch Covid-19 của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giao Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham mưu Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Hội đồng thi nâng ngạch tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên bảo đảm đúng quy định.

4. Nội quy, quy chế các kỳ thi: thực hiện theo Thông tư số 06/2021/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

5. Cơ quan quản lý cán bộ, công chức

Cơ quan quản lý cán bộ, công chức (Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đầu mối là Vụ Tổ chức - Cán bộ; các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đầu mối là Ban Tổ chức) có trách nhiệm:

a) Căn cứ Kế hoạch này, thông báo công khai, kịp thời đến các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về kế hoạch và thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức tại cơ quan, đơn vị đề cán bộ, công chức thuộc đối tượng, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

b) Căn cứ Kế hoạch này, tổ chức rà soát lại danh sách cán bộ, công chức đã đăng ký nhu cầu dự thi nâng ngạch công chức phục vụ xây dựng Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức Ngành Kiểm tra Đảng năm 2021 theo Công văn số 815-CV/UBKTTW, ngày 16/8/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Công văn số 232-CV/ĐTBD, ngày 16/8/2021 của Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; xem xét, thẩm định, quyết định và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với quyết định của mình về kết quả thẩm định, xét duyệt đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ của cán bộ, công chức được cử tham dự kỳ thi nâng ngạch;

c) Có văn bản cử cán bộ, công chức đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch kèm theo danh sách trích ngang (*đảm bảo đúng Mẫu số 01A, 01B, 01C dành cho nâng ngạch kiểm tra viên chính; Mẫu số 02A, 02B, 02C dành cho nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp và Hướng dẫn kê khai thông tin tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này*) và các tài liệu minh chứng dưới đây (nếu có) gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

- Bản sao văn bản phê duyệt (chính thức hoặc tạm thời) vị trí việc làm kèm theo ngạch công chức tương ứng và biên chế theo vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi nâng ngạch;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc văn bản xác nhận là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có) theo quy định tại khoản 6, Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ (trừ trường hợp được miễn thi ngoại ngữ do tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác).

Đề nghị gửi văn bản cử cán bộ, công chức kèm theo danh sách trích ngang, các tài liệu minh chứng (nếu có) về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*qua Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng*) **trước ngày 17/12/2021**, đồng thời gửi tệp điện tử qua hộp thư Lotus Notes (*Vo Sy Manh@ubkttw*). Sau thời hạn trên, nếu Ủy ban Kiểm tra Trung ương không nhận được văn bản cử cán bộ, công chức dự thi kèm theo danh sách trích ngang, tài liệu minh chứng thì được hiểu là cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức Ngành Kiểm tra Đảng năm 2021.

6. Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức được cử dự thi nâng ngạch lên phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, công tác thi đua, khen thưởng, đào tạo của ngành Kiểm tra Đảng để phục vụ công tác tổng hợp chung của toàn ngành theo hướng dẫn của Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Kế hoạch này kèm theo các mẫu kê khai thông tin, tài liệu ôn thi và các thông tin phục vụ kỳ thi được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (mục Thông báo - Văn bản mới). Trong quá trình thực hiện nếu cần trao đổi, hướng dẫn hoặc có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, đồng chí Võ Sỹ Mạnh, điện thoại: 080.45530; 0914.542.888).

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Trần Văn Rón**

**TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG**

*

Số 364-BS/VPTU

SAO LỤC

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 12 năm 2021

Nơi nhận:

- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- C,PCVP Tỉnh ủy; P.TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

VĂN PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc Bích

PHỤ LỤC

(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

Mẫu số 01A	Danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử đi dự thi nâng ngạch từ kiểm tra viên lên ngạch kiểm tra viên chính
Mẫu số 01B	Danh sách cán bộ, công chức được miễn thi ngoại ngữ tại kỳ thi nâng ngạch từ kiểm tra viên lên ngạch kiểm tra viên chính
Mẫu số 01C	Danh mục văn bản đề án, công trình của công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử đi dự thi nâng ngạch từ kiểm tra viên lên ngạch kiểm tra viên chính
Mẫu số 02A	Danh sách công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử đi dự thi nâng ngạch từ kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp
Mẫu số 02B	Danh sách công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được miễn thi ngoại ngữ tại kỳ thi nâng ngạch từ kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp
Mẫu số 02C	Danh mục văn bản, đề án, công trình của công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được cử đi dự thi nâng ngạch từ kiểm tra viên chính lên ngạch kiểm tra viên cao cấp
Hướng dẫn	Hướng dẫn kê khai thông tin

MẪU SỐ 02C-PHỤ LỤC

(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MẪU SỐ 02C

DANH MỤC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN, CÔNG TRÌNH CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH
TỪ KIỂM TRA VIÊN CHÍNH LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP NĂM 2021

(kèm theo Công văn/Quyết định số, ngày....., tháng....., năm..... của Ban Thường vụ...)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên văn bản, đề án, công trình trong thời gian giữ ngạch KTVC hoặc tương đương	Vai trò		Văn bản giao nhiệm vụ/xác nhận	Văn bản ban hành/nghiệm thu	Ghi chú
				Chủ trì	Tham gia			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	Đề án 16-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng... giai đoạn 2020-2025	x		QĐ 12-QĐ/TU, ngày 5/10/2018 (Văn bản xác nhận của Cơ quan.....ngày/tháng/năm)	QĐ 123-QĐ/TU, ngày 3/10/2019	
2	...							
Sắp xếp theo đúng thứ tự Họ và tên ở Mục II, Mẫu số 03A-CT								
Tổng số								

Ghi chú: "Văn bản, đề án, công trình": Văn bản của Đảng (Nghị quyết, Quy định, Quy chế, Quy trình, Chỉ thị, Văn kiện Đại hội Đảng) hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(ĐTĐĐ:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

MẪU SỐ 02B-PHỤ LỤC

(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MẪU SỐ 02B

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC MIỄN THI NGOẠI NGỮ
 TẠI KỶ THI NÂNG NGẠCH TỬ KIỂM TRA VIÊN CHÍNH LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP NĂM 2021
 (kèm theo Công văn/Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Ban Thường vụ.....)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác	Lý do được miễn thi ngoại ngữ																	Ghi chú		
				Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số				Người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ							Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định						
				Bảng tốt nghiệp		Giấy công nhận văn bằng																	
Tiếng dân tộc	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ	Tên dân tộc	Nơi công tác	Trình độ	Ngoại ngữ	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ gốc cấp bằng	Đơn vị cấp bằng	Trình độ	Ngày cấp	Cơ sở đào tạo, quốc gia	Số vào sổ đăng ký	Ngày cấp							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)		
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	36 tháng	Tày	03/10/2010	A071642	2715.16	Tày	Huyện Sĩ Ma Cai	Đại học	Tiếng Anh	05/10/2000	1033753	0139/16CQ	Trường ĐH Hà Nội	Thạc sĩ	03/10/2015	Trường ĐH London, Vương quốc Anh	00646/CNVB-ĐH	03/10/2018			
2																						
Sắp xếp theo đúng thứ tự Họ và tên ở Mục II, Mẫu số 02A																							
Tổng số:																							

Lưu ý: Gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ kê khai ở trên hoặc văn bản xác nhận là người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số, trừ miễn thi do tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(ĐTDD:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

MẪU SỐ 02A-PHỤ LỤC

(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MẪU SỐ 02A

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ THI NÂNG NGẠCH
TỪ KIỂM TRA VIÊN CHÍNH LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP NĂM 2021**
(kèm theo Công văn/Quyết định số, ngày....., tháng....., năm..... của Ban Thường vụ...)

I. NHU CẦU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở NGẠCH KTVCC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Chỉ liệt kê đơn vị có cán bộ, công chức đủ điều kiện dự thi ở Mục II)

STT	Tên đơn vị	Biên chế theo VTVL ở ngạch KTVCC được phê duyệt (người)	Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTVCC hiện có theo VTVL (người)	Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTVCC còn thiếu theo VTVL (người)	Văn bản phê duyệt, giao biên chế theo VTVL	Số lượng cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi	Đề xuất chỉ tiêu nâng ngạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng số	3	1	2		1		
1	Cơ quan UBKT tỉnh A	3	1	2	QĐ/TB/KL 123-QĐ/TU, ngày 20/10/2019	1		

II DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức vụ hoặc chức danh, đơn vị công tác	Thời gian giữ ngạch		Mức lương hiện hưởng		Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch KTVCC						Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Số lượng văn bản, đề án, công trình		Mức xếp loại chất lượng công tác năm 2020	Điện thoại di động	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngạch KTVCC và tương đương	Ngạch KTVCC	Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn cao nhất	Trình độ chính trị	Trình độ QLNN	Bồi dưỡng nghiệp vụ KT, GS	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			Chủ trì	Tham gia			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	x		Chủ nhiệm, UBKT tỉnh A	240 tháng	47 tháng	04.024 A	4,98	Cử nhân	CC	CVCC	KTVC	Cơ bản (TT03)	B1	x	Anh	1	2	HTT	0912456456	
Tổng số:...																						

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(ĐTDD:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

MẪU SỐ 01C-PHỤ LỤC*(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)***CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC****MẪU SỐ 01C****DANH MỤC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN, CÔNG TRÌNH CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH
TỪ KIỂM TRA VIÊN LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH NĂM 2021***(kèm theo Công văn/Quyết định số, ngày....., tháng....., năm..... của Ban Thường vụ...)*

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên văn bản, đề án, công trình trong thời gian giữ ngạch KTV hoặc tương đương	Vai trò		Văn bản giao nhiệm vụ/xác nhận	Văn bản ban hành/nghiệm thu	Ghi chú
				Chủ trì	Tham gia			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	Đề án 16-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng... giai đoạn 2020-2025		x	QĐ 12-QĐ/TU, ngày 5/10/2018 (Văn bản xác nhận của Cơ quan.....ngày/tháng/năm)	QĐ 123-QĐ/TU, ngày 3/10/2019	
2	...							
	Sắp xếp theo đúng thứ tự Họ và tên ở Mục II, Mẫu số 02A-CT							
Tổng số								

Ghi chú: "Văn bản, đề án, công trình": Văn bản của Đảng (Nghị quyết, Quy định, Quy chế, Quy trình, Chi thị, Văn kiện Đại hội Đảng hoặc 02 báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên của Đoàn kiểm tra, giám sát từ cấp huyện trở lên) hoặc văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học

NGƯỜI LẬP*(chữ ký)***Họ và tên***(ĐTĐĐ:.....)***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(ký tên, đóng dấu)***Họ và Tên**

MẪU SỐ 01B-PHỤ LỤC

(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MẪU SỐ 01B

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC MIỄN THI NGOẠI NGỮ
 TẠI KỶ THI NĂNG NGẠCH TỪ KIỂM TRA VIÊN LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH NĂM 2021
 (kèm theo Công văn/Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Ban Thường vụ.....)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác (tháng)	Lý do được miễn thi ngoại ngữ																	Ghi chú		
				Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số				Người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số		Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ							Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định						
				Tiếng dân tộc	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ	Tên dân tộc	Nơi công tác	Trình độ	Ngoại ngữ	Ngày cấp	Số hiệu	Số vào sổ gốc cấp bằng	Đơn vị cấp bằng	Trình độ	Ngày cấp	Cơ sở đào tạo, quốc gia	Số vào sổ đăng ký	Ngày cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	36 tháng	Tây	03/10/2010	A071642	2715.16	Tây	Huyện Sĩ Ma Cai	Đại học	Tiếng Anh	05/10/2000	1033753	0139/16CQ	Trường ĐH Hà Nội	Thạc sĩ	03/10/2015	ĐH London, Anh	00646/CNVB-ĐH	03/10/2018			
2																						
Sắp xếp theo đúng thứ tự Họ và tên ở Mục II, Mẫu số 01A																							
Tổng số:																							

Lưu ý: Gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ kê khai ở trên hoặc văn bản xác nhận là người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số, trừ miễn thi do tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 5 năm công tác

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(ĐTĐĐ:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

MẪU SỐ 01A-PHỤ LỤC

(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

MẪU SỐ 01A

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ THI NÂNG NGẠCH
TỪ KIỂM TRA VIÊN LÊN NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH NĂM 2021**

(kèm theo Công văn/Quyết định số, ngày....., tháng....., năm..... của Ban Thường vụ...)

I. NHU CẦU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở NGẠCH KTVC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Chỉ liệt kê đơn vị có cán bộ, công chức đủ điều kiện dự thi ở Mục II)

STT	Tên đơn vị	Biên chế theo VTVL ở ngạch KTVC được phê duyệt (người)	Số lượng công chức ở ngạch KTVC hiện có theo VTVL(người)	Số lượng công chức ở ngạch KTVC còn thiếu theo VTVL (người)	Văn bản phê duyệt, giao biên chế theo VTVL	Số lượng cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi	Đề xuất chỉ tiêu nâng ngạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng số	35	22	13		9		
1	Cơ quan UBKT tỉnh A	15	10	5	<i>QĐ/TB/KL 123-QĐ/TU, ngày 20/10/2019</i>	3		
2	UBKT Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	12	7	5		3		
3	Cơ quan UBKT huyện B	8	5	3		3		

II DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức vụ hoặc chức danh, đơn vị công tác	Thời gian giữ ngạch		Mức lương hiện hưởng		Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch KTVC						Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Số lượng văn bản, đề án, công trình		Mức xếp loại chất lượng công tác năm 2020	Điện thoại di động	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngạch KTV và tương đương (tháng)	Ngạch KTV (tháng)	Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn cao nhất	Trình độ chính trị	Trình độ QLNN	Bồi dưỡng nghiệp vụ KT, GS	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			Chủ trì	Tham gia			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	NGUYỄN VĂN A	07/05/1975	x		Phó Chủ nhiệm, UBKT Huyện A	148 tháng	54 tháng	04.025 A	4,98	Cử nhân	CC	CVC	KTV	B	B1	x	Anh	1	1	HTT	0912456456	
Tổng số:...																						

NGƯỜI LẬP

(chữ ký)

Họ và tên

(ĐTĐĐ:.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Họ và Tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THÔNG TIN-PHỤ LỤC

Dùng bảng mã Unicode, kiểu gõ Telex, Font chữ Times New Roman để nhập dữ liệu
(kèm theo Kế hoạch số 18-KH/UBKTTW, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

MẪU SỐ 01A (02A). DANH SÁCH CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CỬ DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ KTV (KTVCC) LÊN NGẠCH KTVCC (KTVCC)

I. NHU CẦU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở NGẠCH KIỂM TRA VIÊN CHÍNH THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Chỉ liệt kê đơn vị có công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi ở Mục II)

Cột	Nội dung kê khai	Ví dụ
(2)	Ghi rõ tên đơn vị có cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch năm 2021 nêu ở Mục II	Cơ quan UBKT tỉnh A
(3)	Ghi rõ biên chế (số người) theo vị trí việc làm ở ngạch KTV (KTVCC) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	3
(4)	Số lượng (người) cán bộ, công chức ở ngạch KTV (KTVCC) hiện có, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch	1
(5)	Số lượng công chức ở ngạch KTV (KTVCC) còn thiếu theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (người) = Biên chế theo vị trí việc làm ở ngạch KTV (KTVCC) ở Cột 3 trừ đi Số lượng cán bộ, công chức ở ngạch KTV (KTVCC) hiện có ở Cột 4	2
(6)	Ghi rõ số hiệu, ngày tháng ban hành văn bản phê duyệt vị trí việc làm kèm theo ngạch công chức tương ứng và biên chế theo vị trí việc làm của cơ quan có thẩm quyền. Có thể gộp các dòng nếu cùng 1 quyết định/văn bản	QĐ/TB/KL 123-QĐ/TU, ngày 5/10/2019
(7)	Ghi rõ số lượng cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo từng cơ quan, đơn vị	3

II. DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH KTV (KTVCC)

Cột	Nội dung kê khai	Ví dụ
(2)	Họ và tên (viết hoa, có dấu)	NGUYỄN VĂN A
(3)	Ghi rõ Ngày tháng năm sinh	07/05/1975
(4) (5)	Đánh dấu X vào giới tính Nam hoặc Nữ	x
(6)	Ghi rõ chức vụ đảng, chính quyền cao nhất hoặc chức danh công tác và đơn vị công tác hiện tại.	Phó Chủ nhiệm, UBKT Huyện A
(7)	Xác định thời gian giữ ngạch KTV (KTVCC) và tương đương. Tính đủ tháng đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch	148 tháng
(8)	Xác định thời gian giữ ngạch KTV (KTVCC). Tính đủ tháng đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch	54 tháng
(9)	Mã số ngạch hiện giữ. Nếu cán bộ luân chuyển thì ghi chú ghi rõ "Cán bộ luân chuyển"	04.025A
(10)	Ghi rõ Hệ số lương hiện hưởng, không ghi tỷ lệ % vượt khung	3,99
(11)	Ghi rõ trình độ chuyên môn cao nhất: Cử nhân, Kỹ sư, Thạc sĩ, Tiến sĩ	Thạc sĩ
(12)	Ghi rõ văn bằng, chứng chỉ về trình độ chính trị: Sơ cấp; Trung cấp; Cao cấp; Cao cấp Lý luận chính trị-Hành chính (viết tắt là "CCLCT-HC"); Cử nhân chính trị (viết tắt "Cử nhân CT"); Tương đương Sơ cấp (viết tắt "TĐ Sơ cấp"); Tương đương Trung cấp (viết tắt "TĐ Trung cấp"); Tương đương Cao cấp (viết tắt "TĐ Cao cấp"). Đối với các trường hợp tương đương, ghi rõ vào cột ghi chú: Giấy chứng nhận tương đương do đơn vị nào cấp theo đúng CV của Ban TCTW	Cao cấp
(13)	Trình độ QLNN: Chuyên viên (viết tắt "CV"); Chuyên viên chính (viết tắt "CVC"); Chuyên viên cao cấp (viết tắt "CVCC"); Cao cấp Lý luận Chính trị - Hành chính (viết tắt "CCLCT-HC")	CVC

(14)	Ghi rõ chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch KT, GS: Kiểm tra viên (viết tắt là "KTV"); Kiểm tra viên chính (viết tắt là "KTVCC"); Kiểm tra viên cao cấp (viết tắt là "KTVCC"); Bồi dưỡng chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm (viết tắt là "BDCN"); Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát (viết tắt là "BDNV"). Nếu khác thì ghi rõ	KTV
(15)	Ghi rõ trình độ tin học: Cơ bản (TT03), Nâng cao (TT03), A, B, C, MOS, IC3. Nếu khác thì ghi rõ.	Cơ bản (TT03)
(16)	Ghi rõ trình độ ngoại ngữ: Cao đẳng, Đại học, A, B, C, Bậc 3 (TT01) hoặc Bậc 4 (TT01) hoặc Bậc 5 (TT01), A1, A2, B1, B2, C1, C2, IELTS, TOEFL..... Nếu không thuộc các chứng chỉ, chứng nhận trên thì ghi rõ. Lưu ý: Không ghi tiếng dân tộc thiểu số.	B1
(17)	Đánh dấu "x" nếu được miễn thi ngoại ngữ. Sau đó, kê khai thông tin cụ thể lý do được miễn thi ngoại ngữ ở Mẫu số 01B (02B)	x
(18)	Lựa chọn một trong 5 ngoại ngữ đăng ký thi dự thi (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) nếu không thuộc đối tượng được miễn thi ngoại ngữ	Anh
(19)	Ghi rõ số lượng văn bản, đề án, công trình chủ trì xây dựng, thẩm định và kê khai đầy đủ, chi tiết thông tin ở Mẫu số 01C(02C)	1
(20)	Ghi rõ Số lượng văn bản, đề án, công trình tham gia xây dựng, thẩm định và kê khai đầy đủ, chi tiết thông tin ở Mẫu số 01C (02C)	2
(21)	Ghi rõ một trong các mức xếp loại chất lượng công tác năm 2020 sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (viết tắt là "HTXS"), Hoàn thành tốt nhiệm vụ (viết tắt là "HTT"), Hoàn thành nhiệm vụ (viết tắt là "HT")	HTT
(22)	Số điện thoại di động của cán bộ, công chức	0912 456 456

MẪU SỐ 01B (02B). DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC MIỄN THI NGOẠI NGỮ

Cột	Nội dung kê khai	Ví dụ
(2)	Họ và tên (viết hoa, có dấu)	NGUYỄN VĂN A
(3)	Ngày tháng năm sinh	07/05/1975
(4)	Ghi rõ số năm, tháng còn lại tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu	36 tháng
	Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số	
(5)	Ghi rõ Tiếng dân tộc được cấp chứng chỉ	Khmer
(6)	Ngày tháng năm cấp chứng chỉ	05/10/2015
(7)	Số hiệu chứng chỉ	A071642
(8)	Số vào sổ cấp chứng chỉ	2715.16
	Người dân tộc thiểu số và đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số	
(9)	Tên dân tộc thiểu số	Tày
(10)	Nơi công tác	Huyện Si Ma Cai
	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ	
(11)	Ghi rõ trình độ tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ	Đại học
(12)	Ngoại ngữ	Tiếng Anh
(13)	Ngày tháng năm cấp bằng tốt nghiệp	05/10/2005
(14)	Số hiệu bằng tốt nghiệp	1033753
(15)	Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp	0139/16CQ
(16)	Đơn vị cấp bằng tốt nghiệp	Trường ĐH Hà Nội
	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định	
	Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở nước ngoài cấp	
(17)	Trình độ tốt nghiệp	Thạc sĩ
(18)	Ngày tháng năm cấp bằng tốt nghiệp	25/10/2018
(19)	Cơ sở đào tạo, quốc gia	Trường Đại học London, Vương quốc Anh
	Giấy công nhận văn bằng	
(20)	Số vào sổ đăng ký	00646/CNVB-ĐH
(21)	Ngày tháng năm cấp giấy công nhận văn bằng	25/11/2019

MẪU SỐ 01C (02C). DANH MỤC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN, CÔNG TRÌNH CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH